

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19/3/2024

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đình** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị L**, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị **Trần Thị L** trình bày:** Tôi và anh **Nguyễn Thanh H** chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**. Trước khi cưới, vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước, do mai mối nhưng hai bên cũng đồng ý cưới nhau làm vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh **H** ghen tuông, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống không có hạnh phúc, tôi đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể sống với nhau, tôi không còn tình cảm với anh **H**, vợ chồng không sống chung với nhau từ khoảng đầu tháng 1 năm 2024 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. **Nguyễn Hồng N**, sinh ngày 07/02/2005
2. **Nguyễn Hồng N1**, sinh ngày 17/02/2013

Hiện nay cháu **N** đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng, cháu **N1** hiện đang sống với tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị **L yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: chị **L** xin được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh H**.

Về con chung: chị **L** xin nuôi cháu **N1**, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu **N** đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Theo bản tự khai và tại phiên tòa anh **Nguyễn Thanh H** trình bày:** qua lời trình bày của cô **L** về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có nợ chung là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì tôi thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Vào khoảng tháng 9 năm 2023 khi tôi bị bệnh đi bệnh viện mổ thì vợ tôi không hỏi thăm, chăm sóc tôi, tôi thấy vợ tôi có đi với người đàn ông khác tôi có hỏi thì vợ tôi nói là đi làm ăn với người ta, sau đó không biết vì lý do gì vợ tôi gửi đơn xin ly hôn và vợ tôi đã ra ngoài sống từ đầu năm 2024 cho đến nay nhưng thỉnh thoảng có về nhà một hai ngày rồi lại đi.

Tại phiên tòa anh **H yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: anh **H** không đồng ý ly hôn với chị **L** vì anh **H** cho rằng còn thương vợ con và do vợ chồng chưa thoả thuận được về phần tài sản nên anh **H** không đồng ý ly hôn.

Về con chung: nếu chị **L** cương quyết ly hôn thì anh **H** đồng ý giao cháu **N1** cho chị **L** nuôi dưỡng, anh **H** không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu **N** đã có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị L**, cho ly hôn giữa chị **Trần Thị L** và anh **Nguyễn Thanh H**. Về quan hệ con chung: Giao cháu **Nguyễn Hồng N1**, sinh ngày 17/02/2013 cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu **Nguyễn Hồng N** đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: buộc chị **L** phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*”, bị đơn là anh **Nguyễn Thanh H** có địa chỉ cư trú tại **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị **L** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND phường V, thị xã R (nay là Thành phố R), tỉnh Kiên Giang**, giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 1, ngày 16/6/2004 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị **L** cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị **L** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** ghen tuông, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không sống chung với nhau từ đầu năm

2024 cho đến nay. Anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, khi anh H bị bệnh đi bệnh viện mở chị L không hỏi thăm, chăm sóc anh H, anh H còn thấy chị L đi với người đàn ông khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị L vẫn giữ nguyên quyết định xin được ly hôn. Do đó việc hòa giải theo quy định của luật không mang lại kết quả.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin được ly hôn. Anh H cho rằng còn thương vợ con và vợ chồng chưa thỏa thuận được về tài sản nên anh H không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa anh H và chị L đều xác nhận chị L không còn tình cảm với anh H, khi anh H bị bệnh đi bệnh viện thì chị L cũng không hỏi thăm, chăm sóc anh H và vợ chồng không sống chung với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ngoài ra tại phiên tòa anh H cũng xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có giải thích về việc nếu anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng thì phải có đơn gửi Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng đến nay anh H cũng không có đơn yêu cầu gửi Tòa án. Xét thấy thực tế giữa chị L và anh H không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không quan tâm nhau, không cùng nhau chia sẻ, chăm sóc gia đình trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị L.

[4] Về quan hệ con chung: chị L và anh H xác nhận anh chị có 02 người con chung là: Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/02/2005 và Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 17/02/2013.

Tại phiên tòa chị L và anh H thống nhất tiếp tục giao cháu N1 cho chị L nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Theo nguyện vọng của cháu N1 là xin được sống với chị L. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L, anh H và nguyện vọng của cháu N1. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hồng N1, sinh ngày

17/02/2013 cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí HNST: Buộc chị **L** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị L**. Cho ly hôn giữa chị **Trần Thị L** và anh **Nguyễn Thanh H**.

2. Về quan hệ con chung: cháu **Nguyễn Hồng N**, sinh ngày 07/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tiếp tục giao cháu **Nguyễn Hồng N1**, sinh ngày 17/02/2013 cho chị **Trần Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Thanh H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chi **Trần Thị L** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003674 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Tân Hiệp; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Ngọc Ái

